



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

aš

tu

jis

ji

tai

mes

jūs

jie

ką

kas

kur

kodėl

kaip

kuris

kada

tada

jeigu

tikrai

bet

nes

ne

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

šis

Man to reikia

Kiek tai kainuoja?

tas

visi
bendras

arba

ir

žinoti

Žinau

Nežinau

galvoti

ateiti

dėti

imti

rasti

klausytis

dirbti

kalbėti

duoti

mėgti

padėti

Cái này giá bao nhiêu?

Tôi cần cái này

này

hoặc

tất cả

đó

Tôi biết

biết

và

đến

nghĩ

Tôi không biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

mylėti

skambinti

laukti

Tu man patinki

Man tai nepatinka

Ar tu mane myli?

Aš tave myliu

nulis

vienas

du

trys

keturi

penki

šeši

septyni

aštuoni

devyni

dešimt

vienuolika

dvylika

trylika

chờ đợi

gọi

yêu

Bạn có yêu tôi không?

Tôi không thích cái này

Tôi thích bạn

1

0

Tôi yêu bạn

4

3

2

7

6

5

10

9

8

13

12

11

keturiolika

penkiolika

šešiolika

septyniolika

aštuoniolika

devyniolika

dvidešimt

naujas

senas
naujas

keli

daug

kiek?
bendras

kiek?
skaičius

neteisingas

teisingas

blogas
bendras

geras

laimingas

trumpas

ilgas

mažas

16

15

14

19

18

17

cũ

mới

20

bao nhiêu?

nhiều

ít

chính xác

sai

bao nhiêu?

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

didelis

ten

čia

dešinė

kaire

gražus

jaunas

senas
jaunas

sveiki

pasimatysim vėliau

gerai

sekmės

nesijaudink

žinoma

labą dieną

labas

atė

visu gero

atsiprašau

atleisk

ačiū

đây

đó

lớn

xinh đẹp

trái

phải

xin chào

già

trẻ

bảo trọng nhé

được

hẹn gặp lại

chúc ngày tốt lành

tất nhiên

đừng lo

tạm biệt

bái bai

chào

cảm ơn bạn

xin lỗi

xin làm phiền

prašau

Aš noriu šito

dabar

popietė

rytas
9:00-11:00

naktis

rytas
6:00-9:00

vakaras

vidurdienis

vidurnaktis

valanda

minutė

sekundė

diena

savaitė

mėnuo

metai

laikas

data

užvakar

vakar

bây giờ

Tôi muốn cái này

làm ơn

ban đêm

buổi sáng

buổi chiều

buổi trưa

buổi tối

buổi sáng

phút

giờ

nửa đêm

tuần

ngày

giây

thời gian

năm

tháng

hôm qua

ngày hôm kia

ngày tháng

šiandien

rytoj

poryt

pirmadienis

antradienis

trečiadienis

ketvirtadienis

penktadienis

šeštadienis

sekmadienis

Rytoj šeštadienis

gyvenimas

moteris

vyras
bendras

meilė

vaikinas

mergina

draugas

bučiny

seksas

vaikas

ngày kia

ngày mai

hôm nay

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

cuộc đời

Ngày mai là thứ bảy

chủ nhật

tình yêu

đàn ông

đàn bà

bạn

bạn gái

bạn trai

trẻ em

tình dục

hôn

kūdikis

mergaitė

berniukas

mama

tėtis

motina

tėvas

tėvai

sūnus

dukra

jaunesnioji sesuo

jaunesnysis brolis

vyresnioji sesuo

vyresnysis brolis

stovėti

sėdėti

gulėti

uždaryti

atidaryti
durys

prarasti

laimėti

con trai

con gái

em bé

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

đúng

anh trai

chị gái

đóng

nằm xuống

ngồi

thắng

thua

mở

mirti

gyventi

įjungti

išjungti

žudyti

sužeisti

liesti

žiūrėti

gerti

valgyti

vaikščioti

susitikti

lažintis

bučiuoti

sekti

vesti

atsakyti

paklausti

klausimas

įmonė

verslas

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cưới

kinh doanh

công ty

câu hỏi

darbas

pinigai

telefonas

biuras

gydytojas

ligoninė

slaugytoja

policininkas

prezidentas

balta

juoda

raudona

mėlyna

žalia

geltona

lėtas

greitas

juokingas

nesąžiningas

sąžiningas

sudėtingas

điện thoại

tiền

việc làm

bệnh viện

bác sĩ

văn phòng

tổng thống

cảnh sát

y tá

màu đỏ

màu đen

màu trắng

màu vàng

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

vui vẻ

nhanh

chậm

khó

công bằng

không công bằng

lengvas
sudėtingas

Tai sunku

turtingas

neturtingas

stiprus

silpnas

saugus

pavargęs

besididžiuojantis

sotus

sergantis

sveikas

piktas

žemas
diagrama

aukštas
diagrama

tiesus

kiekvienas

visada

iš tikrųjų

vėl

jau

giàu

Cái này khó

dễ

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

luôn luôn

mỗi / mọi

thẳng

đã

lần nữa

thực ra

mažiau

daugiausiai

daugiau

Aš noriu daugiau

nėra

labai

gyvūnas

kiaulė

karvė

arklys

šuo

avis

beždžionė

katė

meška

višta

antis

drugelis

bitė

žuvis
gyvūnas

voras

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

rất

không có

Tôi muốn nhiều hơn

con bò

con lợn

động vật

con cừu

con chó

con ngựa

con gấu

con mèo

con khỉ

con bướm

con vịt

con gà

con nhện

con cá

con ong

gyvatė

išorėje

viduje

toli

arti

žemiau

virš

šalia

prieš

atgal

saldus

rūgštus

keistas

minkštas

kietas
minkštas

mielas

kvailas
smegenys

pamišęs

užimtas

aukštas
kūnas

žemas
kūnas

ở trong

ở ngoài

con rắn

bên dưới

gần

xa

phía trước

bên cạnh

bên trên

chua

ngọt

phía sau

cứng

mềm

lạ

điên khùng

ngu ngốc

đáng yêu

thấp

cao

bận rộn

neramus

nustebęs

kietas
žmogus

gerai besielgiantis

blogas
žmogus

protingas

šalta

karšta

galva

nosis

plaukas

burna

ausis

akis

plaštaka

pėda

širdis

smegenys

traukti

stumti

spausti

ngẫu

ngạc nhiên

lo lắng

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

đầu

nóng

lạnh

miệng

tóc

mũi

bàn tay

mắt

tai

não

tim

bàn chân

ấn

đẩy

kéo

pataikyti

pagauti

kovoti

mesti

bėgti

skaityti

rašyti

taisyti

skaičiuoti

pjaustyti

parduoti

pirkti

mokėti

studijuoti

svajoti

miegoti

žaisti

švęsti

ilsėtis

mėgautis

valyti

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

dọn dẹp

thưởng thức

nghỉ ngơi

mokykla

namas
namas

durys

vyras
šeima

žmona

vestuvės

žmogus

automobilis

namas
šeima

miestas

skaičius

dvidešimt vienas

dvidešimt du

dvidešimt šeši

trisdešimt

trisdešimt vienas

trisdešimt trys

trisdešimt septyni

keturiasdešimt

keturiasdešimt vienas

keturiasdešimt keturi

cửa

nhà ở

trường học

đám cưới

vợ

chồng

nhà

xe hơi

người

21

số

thành phố

30

26

22

37

33

31

44

41

40

keturiasdešimt aštuoni

penkiasdešimt

penkiasdešimt vienas

penkiasdešimt penki

penkiasdešimt devyni

šešiasdešimt

šešiasdešimt vienas

šešiasdešimt du

šešiasdešimt šeši

septyniasdešimt

septyniasdešimt vienas

septyniasdešimt trys

septyniasdešimt septyni

aštuoniasdešimt

aštuoniasdešimt vienas

aštuoniasdešimt keturi

aštuoniasdešimt aštuoni

devyniasdešimt

devyniasdešimt vienas

devyniasdešimt penki

devyniasdešimt devyni

51

50

48

60

59

55

66

62

61

73

71

70

81

80

77

90

88

84

99

95

91

šimtas

tūkstantis

dešimt tūkstančių

šimtas tūkstančių

vienas milijonas

mano šuo

tavo katė

jos suknelė

jo automobilis

jo kamuolys

mūsų namai

jūsų komanda

jų įmonė

visi
žmonės

kartu

kitas

nesvarbu

į sveikatą

atsipalaiduok

sutinku

sveiki atvykę

10.000

1000

100

con chó của tôi

1.000.000

100.000

xe của anh ấy

váy của cô ấy

con mèo của bạn

đội của bạn

nhà của chúng tôi

quả bóng của nó

cùng nhau

mọi người

công ty của họ

chúc mừng

không thành vấn đề

khác

chào mừng

tôi đồng ý

thư giãn đi

nieko tokio

pasuk į dešinę

pasuk į kairę

eik tiesiai

Ateik su manimi

kiaušinis

sūris

pienas

žuvis
maistas

mėsa

daržovė

vaisius

kaulas
maistas

aliejus

duona

cukrus

šokoladas

saldainis

pyragas

gėrimas

vanduo

rễ trái

rễ phải

không phải lo

trúng

Hãy đi với tôi

đi thẳng

cá

sữa

phô mai

trái cây

rau

thịt

bánh mì

dầu

xương

kẹo

sô cô la

đường

nước

đồ uống

bánh bông lan

soda

kava

arbata

alus

vynas

salotos

sriuba

desertas

pusryčiai

pietūs
maistas

vakarienė

pica

autobusas

traukinys

traukinių stotis

autobusų stotelė

lėktuvas

laivas

sunkvežimis

dviratis

motociklas

trà

cà phê

nước soda

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

pizza

bữa tối

bữa trưa

ga xe lửa

xe lửa

xe buýt

tàu

máy bay

trạm dừng xe buýt

xe mô tô

xe đạp

xe tải

taksi

šviesoforas

automobilių stovėjimo
aikštelė

kelias

drabužis

batas

paltas

megztinis

marškiniai

švarkas

kostiumas

kelnės

suknelė

marškinėliai

kojinė

liemenėlė

apatinės kelnaitės

akiniai

rankinė

delninė

piniginė

bãi đậu xe

đèn giao thông

xe taxi

giày dép

quần áo

đường

áo sơ mi

áo len

áo choàng

quần dài

áo phực

áo khoác

bít tất

áo phông

đầm

kính

quần lót

áo ngực

ví

ví tiền

túi xách

žiedas
pirštas

skrybėlė

laikrodis
riešas

kišenė

Koks tavo vardas?

Mano vardas yra Deividas

Man 22 metai

Kaip sekasi?

Ar viskas gerai?

Kur yra tualetas?

Aš tavęs pasiilgau

pavasaris

vasara

ruduo

žiema

sausis

vasaris

kovas

balandis
mėnuo

gegužė

birželis

đồng hồ đeo tay

mũ

nhẫn

Tên của tôi là David

Bạn tên gì?

túi

Bạn có ổn không?

Bạn có khỏe không?

Tôi 22 tuổi

mùa xuân

Tôi nhớ bạn

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

mùa đông

mùa thu

mùa hè

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

liepa

rugpjūtis

rugsējis

spalis

lapkritis

gruodis

apsipirkimas

sąskaits

turgus

parduotuvė

pastats

butas

universitetas

ūkis

bažnyčia

restoranas

baras

sporto salė

parkas

tualetas
parkas

žemėlapis

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

chợ

hóa đơn

mua sắm

căn hộ

tòa nhà

siêu thị

nhà thờ

nông trại

trường đại học

phòng thể dục

quán bar

nhà hàng

bản đồ

nhà vệ sinh

công viên

greitoji pagalba

policija

ginklas

ugniagesiai

šalis

priemiestis

kaimas

sveikata

medicina

nelaimingas atsitikimas

pacientas

operacija

tabletė

karščiavimas

peršalimas

žaizda

paskyrimas

kosulys

kaklas

užpakalis

petys

súng

cảnh sát

xe cứu thương

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

dược phẩm

sức khỏe

ngôi làng

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

cảm lạnh

sốt

viên thuốc

ho

cuộc hẹn

vết thương

vai

mông

cổ

kelis

koja

ranka

pilvas

krūtis

nugara

dantis

liežuvis

lūpa

pirštas

kojų pirštas

skrandis

plaučiai

kepenys

nervas

inkstas

žarnynas

spalva

oranžinė

pilka

ruda

tay

chân

đầu gối

lưng

ngực

bụng

môi

lưỡi

răng

dạ dày

ngón chân

ngón tay

dây thần kinh

gan

phổi

màu sắc

ruột

thận

màu nâu

màu xám

màu cam

rožinė

nuobodus

sunkus

lengvas
hantelis

vienišas

alkanas

ištroškęs

liūdnas

status

plokščias

apvalus

kampuotas

siauras

platus

gilus

negilus

didžiulis

šiaurė

rytai

pietūs
<> šiaurė

vakarai

nặng

nhàm chán

màu hồng

đôi bụng

cô đơn

nhẹ

đốc

buồn

khát nước

vuông

tròn

bằng phẳng

sâu

rộng

hẹp

bắc

lớn

nông

tây

nam

đông

purvinas

švarus

pilnas

tuščias

brangus

pigus

tamsus

šviesus

seksualus

tingus

drąsus

dosnus

gražus

bjaurus

kvailas
juokingas

draugiškas

kaltas

aklas

girtas

šlapia

sausas

đầy

sạch sẽ

bẩn

rẻ

đắt

trống rỗng

quyến rũ

sáng

tối

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ngớ ngẩn

xấu xí

đẹp trai

mù

tội lỗi

thân thiện

khô

ướt

say

šilta

garsus

tylus
80%

tylus
100%

virtuvė

vonia
namas

gyvenamasis kambarys

miegamasis

sodas

garažas

siena

rūsys

tualetas
namas

laiptai

stogas

langas
pastatas

peilis

puodelis
karšta

stiklinė

lėkštė

puodelis
šalta

yên tĩnh

ồn ào

ấm áp

phòng tắm

nhà bếp

im lặng

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

šiukšlių dėžė

dubenėlis

televizorius
prietaisas

rašomasis stalas

lova

veidrodis

dušas

sofa

paveikslas

laikrodis
siena

stalas

kėdė

plaukiojimo baseinas

durų skambutis

kaimynas

nepavykti

pasirinkti

šaudyti

balsuoti

kristi

ginti

bộ tivi

tô

thùng rác

gương

giường

bàn

ảnh

ghế sofa

vòi hoa sen

ghế

bàn

đồng hồ

hàng xóm

chuông

hồ bơi

bắn

chọn

thất bại

bảo vệ

rơi xuống

bình chọn

pulti

vogti

degti

gelbėti

rūkyti

skristi

nešti

spjauti

spirti

įkasti

kvėpuoti

uostyti

verkti

dainuoti

šypsotis

juoktis

augti

susitraukti

ginčytis

grasinti

dalintis

đốt

trộm

tấn công

bay

hút thuốc

cứu

đá

khắc nhở

mang theo

ngủi

thở

cẩn

cười mỉm

hát

khóc

co lại

lớn lên

cười

chia sẻ

đe dọa

tranh luận

maitinti

paslėpti

įspėti

plaukti

šokinėti

riedėti

pakelti

kasti

kopijuoti

pristatyti

ieškoti

praktikuoti

keliauti

dažyti

nusiprausti po dušu

atidaryti
užraktas

užrakinti

plauti

melstis

gaminti

knyga

cảnh báo

trốn

cho ăn

lăn

nhảy

bơi

sao chép

đào

nâng

luyện tập

tìm kiếm

giao hàng

tắm vòi sen

vẽ

đi du lịch

rửa

khóa

mở

sách

nấu ăn

cầu nguyện

biblioteka

namų darbai

egzaminas

pamoka

mokslas

istorija

menas

anglų kalba

prancūzų kalba

rašiklis

pieštukas

trys procentai

pirmas

antras

trečias

ketvirtas

rezultatas

kvadratas

apskritimas

plotas

moksliniai tyrimai

bài thi

bài tập về nhà

thư viện

lịch sử

khoa học

bài học

tiếng Pháp

tiếng Anh

nghệ thuật

3%

bút chì

cây bút

thứ ba

thứ hai

thứ nhất

hình vuông

kết quả

thứ tư

nguyên cứu

diện tích

hình tròn

laipsnis

bakalauras

magistras

x yra mažesnis už y

x yra didesnis už y

stresas

draudimas

personalas

skyrius

atlyginimas

adresas

laiškas

kapitonas

detektyvas

pilotas

profesorius

mokytojas

advokatas

sekretorė

asistentas

teisėjas
teismas

thạc sĩ

cử nhân

bằng cấp

áp lực

$x > y$

$x < y$

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

phi công

thám tử

thuyền trưởng

luật sư

giáo viên

giáo sư

thẩm phán

trợ lý

thư ký

direktorius

vadovas

virėjas

taksi vairuotojas

autobuso vairuotojas

nusikaltėlis

modelis

menininkas

telefono numeris

signalas

programėlė

pokalbis

failas

url

el. pašto adresas

interneto svetainė

el. laiškas

mobilusis telefonas

įstatymas

kalėjimas

įrodymas

đầu bếp

quản lý

giám đốc

tội phạm

tài xế xe buýt

tài xế taxi

số điện thoại

nghệ sĩ

người mẫu

trò chuyện

ứng dụng

tín hiệu

địa chỉ email

url

tập tin

điện thoại di động

thư điện tử

trang mạng

chứng cứ

nhà tù

pháp luật

bauda

liudytojas

teismas

parašas

nuostolis

pelnas

klientas

suma

kredito kortelė

slaptažodis

bankomatas

plaukimo baseinas
sportas

elektra

fotoaparatas

radijas

dovana

butelis

maišas

raktas

lėlė

angelas

tòa án

nhân chứng

tiền phạt

lợi nhuận

thua lỗ

chữ ký

thẻ tín dụng

số tiền

khách hàng

bể bơi

máy rút tiền

mật khẩu

đài radio

máy ảnh

điện

cái túi

cái chai

quà tặng

thiên thần

búp bê

chìa khóa

šukos

dantų pasta

dantų šepetėlis

šampūnas

kremas

nosinė

lūpų dažai

televizorius
bendras

kinas

žinios

vieta

bilietas

ekranas
kinas

muzika

scena

žiūrovai

tapyba

pokštas

straipsnis

laikraštis

žurnalas

bàn chải đánh răng

kem đánh răng

lược

khăn giấy

kem thoa

dầu gội

rạp chiếu phim

truyền hình

son môi

vé

ghế

tin tức

sân khấu

âm nhạc

màn chiếu

trò đùa

hội họa

khán giả

tạp chí

báo chí

bài báo

reklama

gamta

pelenai

ugnis

deimantas

mėnulis

žemė

saulė

žvaigždė

planeta

visata

pakrantė

ežeras

miškas

dykuma

kalva

uola

upė

slėnis

kalnas

sala

tro

thiên nhiên

quảng cáo

mặt trăng

kim cương

lửa

ngôi sao

mặt trời

Trái Đất

bờ biển

vũ trụ

hành tinh

sa mạc

rừng

hồ

con sông

đá

đồi núi

đảo

núi

thung lũng

vandenynas

jūra

orai

ledas

sniegas

audra

lietus

vėjas

augalas

medis

žolė

rožė

gėlė

dujos

metalas

auksas

sidabras

Sidabras pigesnis už auksą

Auksas brangesnis už
sidabrą

atostogos

narys

thời tiết

biển

đại dương

bão táp

tuyết

băng

thực vật

gió

mưa

hoa hồng

cỏ

cây

kim loại

chất khí

hoa

Bạc rẻ hơn vàng

bạc

vàng

thành viên

ngày lễ

Vàng đắt hơn bạc

viešbutis

paplūdimys

svečias

gimtadienis

Kalėdos

Naujieji metai

Velykos

dėdė

teta

močiutė
tėvas

senelis
tėvas

močiutė
motina

senelis
motina

mirtis

kapas

skyrybos

nuotaka

jaunikis

šimtas vienas

šimtas penki

šimtas dešimt

khách

bờ biển

khách sạn

Năm Mới

Giáng sinh

sinh nhật

cô

chú

Lễ Phục sinh

bà ngoại

ông nội

bà nội

phần mộ

tử vong

ông ngoại

chú rể

cô dâu

ly hôn

110

105

101

šimtas penkiasdešimt vienas	du šimtai	du šimtai du
du šimtai šeši	du šimtai dvidešimt	du šimtai šešiasdešimt du
trys šimtai	trys šimtai trys	trys šimtai septyni
trys šimtai trisdešimt	trys šimtai septyniasdešimt trys	keturi šimtai
keturi šimtai keturi	keturi šimtai aštuoni	keturi šimtai keturiasdešimt
keturi šimtai aštuoniasdešimt keturi	penki šimtai	penki šimtai penki
penki šimtai devyni	penki šimtai penkiasdešimt	penki šimtai devyniasdešimt penki

202

200

151

262

220

206

307

303

300

400

373

330

440

408

404

505

500

484

595

550

509

šeši šimtai

šeši šimtai vienas

šeši šimtai šeši

šeši šimtai šešiolika

šeši šimtai šešiasdešimt

septyni šimtai

septyni šimtai du

septyni šimtai septyni

septyni šimtai dvidešimt
septyni

septyni šimtai
septyniasdešimt

aštuoni šimtai

aštuoni šimtai trys

aštuoni šimtai aštuoni

aštuoni šimtai trisdešimt
aštuoni

aštuoni šimtai
aštuoniasdešimt

devyni šimtai

devyni šimtai keturi

devyni šimtai devyni

devyni šimtai keturiasdešimt
devyni

devyni šimtai
devyniasdešimt

tigras

606

601

600

700

660

616

727

707

702

803

800

770

880

838

808

909

904

900

con hỏ

990

949

pelė
gyvūnas

žiurkė

triušis

liūtas

asilas

dramblys

paukštis

gaidys

balandis
gyvūnas

žąsis

vabzdys

vabalas

uodas

musė

skruzdėlė

banginis

ryklis

delfinas

sraigė

varlė

dažnai

con thỏ

con chuột cống

con chuột

con voi

con lừa

con sư tử

con chim bồ câu

con gà trống choai

con chim

con bọ

côn trùng

con ngỗng

con kiến

con ruồi

con muỗi

con cá heo

con cá mập

con cá voi

thường xuyên

con ếch

con ốc sên

nedelsiant

staiga

nors

gimnastika

tenisas

bėgimas

dviračių sportas

golfas

čiuožimas ant ledo

futbolas

krepšinis

plaukimas

nardymas

žygiavimas

Jungtinė Karalystė

Ispanija

Šveicarija

Italija

Prancūzija

Vokietija

Tailandas

mặc dù

đột ngột

ngay lập tức

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

trượt băng

đánh golf

đạp xe

bơi lội

bóng rổ

bóng đá

Vương quốc Anh

đi bộ đường dài

lặn

Ý

Thụy sĩ

Tây Ban Nha

Thái Lan

Đức

Pháp

Singapūras

Rusija

Japonija

Izraelis

Indija

Kinija

Jungtinės Amerikos Valstijos

Meksika

Kanada

Čilė

Brazilija

Argentina

Pietų Afrika

Nigerija

Marokas

Libija

Kenija

Alžyras

Egiptas

Naujoji Zelandija

Australija

Nhật Bản

Nga

Singapore

Trung Quốc

Ấn Độ

Israel

Canada

Mexico

Hoa Kỳ

Argentina

Brazil

Chile

Ma Rốc

Nigeria

Nam Phi

Algeria

Kenya

Libya

Úc

New Zealand

Ai Cập

Afrika

Europa

Azija

Amerika

ketvirtis valandos

pusvalandis

trys ketvirčiai valandos

pirma valanda

penkios po dviejų

dešimt po trijų

ketvirtis po keturių

dvidešimt po penkių

dvidešimt penkios po šešių

pusė aštuonių

aštuonios trisdešimt penkios

be dvidešimt dešimt

be penkiolikos vienuolika

be dešimt dvylika

be penkių pirma

pirma valanda ryto

antra valanda po pietų

Châu Á

Châu Âu

Châu Phi

nửa tiếng

mười lăm phút

Châu Mỹ

2:05

1:00

bốn mươi lăm phút

5:20

4:15

3:10

8:35

7:30

6:25

11:50

10:45

9:40

hai giờ chiều

một giờ sáng

12:55

praeitą savaitę

šią savaitę

kitą savaitę

praeitais metais

šiais metais

kitais metais

praeitą mėnesį

šį mėnesį

kitą mėnesį

du tūkstančiai keturioliktųjų
sausio pirmoji

du tūkstančiai trečiųjų
vasario dvidešimt penktoji

tūkstantis devyni šimtai
aštuoniasdešimt aštuntųjų
balandžio dvylikta

tūkstantis aštuoni šimtai
devyniasdešimt devintųjų
spalio tryliktoji

tūkstantis devyni šimtai
septintųjų rugsėjo
trisdešimtoji

du tūkstantųjų gruodžio
dvyliktoji

kakta

raukšlė

smakras

skruostas

barzda

blakstiena

tuần sau

tuần này

tuần trước

năm sau

năm nay

năm ngoái

tháng sau

tháng này

tháng trước

1988-04-12

2003-02-25

2014-01-01

2000-12-12

1907-09-30

1899-10-13

cằm

nếp nhăn

trán

lông mi

râu

má

antakis

juosmuo

sprandas

krūtinė

nykštys

mažasis pirštas

bevardis pirštas

vidurinis pirštas

rodomasis pirštas

riešas

piršto nagas

kulnas

stuburas

raumuo

kaulas
kūnas

skeletas

šonkaulis

slankstelis

šlapimo pūslė

vena

arterija

gáy

eo

lông mày

ngón tay út

ngón cái

lồng ngực

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

gót chân

móng tay

cổ tay

xương

cơ bắp

xương sống

đốt sống

xương sườn

bộ xương

động mạch

tĩnh mạch

bàng quang

makštis

sperma

varpa

sėklidė

sultingas

aštrus

sūrus

žalias

virtas

drovus

gobšus

griežtas

kurčias

dương vật

tinh trùng

âm đạo

cay

mộng nước

tinh hoàn

lượt

sống

mặn

nghiêm khắc

tham lam

nhút nhát

điếc